

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp¹.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

¹ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp.”

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

3. Nghị định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

4. Không áp dụng quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 25 Nghị định này để xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ quan báo chí.

Việc xử phạt vi phạm hành chính với cơ quan báo chí được thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 159/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Điều 3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 4 Điều 5, Khoản 9 Điều 6, Khoản 2 Điều 7, Khoản 7 Điều 8, Khoản 5 Điều 9, Khoản 8 Điều 10, Khoản 2 Điều 11, Khoản 5 Điều 12, Khoản 2 Điều 13, Khoản 2 Điều 14, Khoản 8 Điều 15, Khoản 6 Điều 16, Khoản 7 Điều 17, Khoản 3 Điều 18, Khoản 2 Điều 19, Khoản 2 Điều 20, Khoản 3 Điều 21, Khoản 2 Điều 22, Khoản 2 Điều 23, Khoản 5 Điều 24, Khoản 9 Điều 25, Khoản 7 Điều 26, Khoản 3 Điều 27, Khoản 3 Điều 28 Nghị định này.

Điều 4. Quy định phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với cá nhân là 75.000.000 đồng, đối với tổ chức là 150.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, trừ mức phạt tiền quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 8; Khoản 1, các điểm a, b, c, d, đ Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 15; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 17; Khoản 1 Điều 24; các khoản 1, 2 và 6 Điều 25; Khoản 1, Khoản 2, Điểm a Khoản 4 Điều 26 Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với cá nhân; đối với tổ chức gấp hai lần thẩm quyền xử phạt tiền đối với cá nhân.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 5. Vi phạm quy định về thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại quyết định thành lập, cho phép thành lập theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tẩy, xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung quyết định thành lập, cho phép thành lập;

b) Gian lận, giả mạo giấy tờ, tài liệu để được thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Phạt tiền đối với hành vi thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép với một trong các mức sau đây:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi quyết định thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều này vào ngân sách nhà nước;

d) Buộc hoàn trả cho tổ chức, cá nhân các khoản tiền đã thu; trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

đ) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được người học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

e) Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận kiểm định đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo thời hạn quy định tại quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tẩy, xóa, sửa chữa, làm thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp ngoài địa điểm ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

4. Phạt tiền đối với hành vi giả mạo giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

5. Phạt tiền đối với hành vi không đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp khi tăng quy mô tuyển sinh của từng chuyên ngành hoặc nghề so với quy mô tuyển sinh ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10% đến dưới 20%;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 20% đến dưới 30%;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 30% đến dưới 40%;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 40% trở lên.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bổ sung chuyên ngành hoặc nghề đào tạo, trình độ đào tạo;

b) Chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

c) Thay đổi cơ quan chủ quản, chủ đầu tư của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

d) Chuyển trụ sở chính hoặc phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo đến nơi khác;

đ) Thành lập phân hiệu hoặc cơ sở đào tạo mới;

e) Liên kết với tổ chức, cá nhân để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

7. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh, tổ chức đào tạo khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này vào ngân sách nhà nước;

c) Buộc khôi phục quyền lợi học tập cho người học, hoàn trả cho người học các khoản đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 và Khoản 7 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước;

d) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

đ) Buộc thu hồi và tiêu hủy giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền đối với hành vi không ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH

Điều 8. Vi phạm quy định về tuyển sinh đào tạo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi khai man hồ sơ tuyển sinh.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tay cho việc khai man hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh không đầy đủ thông tin theo quy định hoặc không thực hiện đúng với nội dung của thông báo tuyển sinh.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh bằng bất cứ hình thức nào khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu nhận hồ sơ, tổ chức thi hoặc xét tuyển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả trúng tuyển hoặc quyết định trúng tuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho người học các khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước;

c) Buộc thông báo công khai việc dừng tuyển sinh trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về đối tượng tuyển sinh

1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng ở trình độ sơ cấp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 20 người học;

c) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 20 người học trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng ở trình độ trung cấp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 20 người học;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 20 người học trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng ở trình độ cao đẳng với một trong các mức sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai dưới 10 người học;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 10 đến dưới 20 người học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sinh sai từ 20 người học trở lên.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định của quy chế tuyển sinh.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; QUY MÔ LỚP HỌC; LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Điều 10. Vi phạm quy định về chương trình đào tạo

1. Phạt tiền đối với hành vi không dạy đủ số giờ học theo quy định của chương trình đào tạo của một môn học hoặc mô-đun với một trong các mức sau đây:

a) Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm dưới 5% số giờ học;

b) Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 5% đến dưới 10% số giờ học;

c) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10% đến dưới 15% số giờ học;

d) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 15% đến dưới 20% số giờ học;

đ) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 20% số giờ học trở lên.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên, giảng viên theo quy định;

b) Không sử dụng hoặc sử dụng không đúng biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo.

4. Phạt tiền đối với hành vi ban hành chương trình đào tạo không đúng với mục tiêu, phạm vi và cấu trúc nội dung của chương trình đào tạo với một trong các mức sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tự ý thêm, bớt nội dung môn học hoặc mô-đun hoặc không tổ chức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đã quy định trong chương trình giáo dục nghề nghiệp.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động đào tạo từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp không đúng thời gian đào tạo hoặc hình thức đào tạo đối với chương trình giáo dục nghề nghiệp với nước ngoài.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động đào tạo từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi giảng dạy chương trình giáo dục nghề nghiệp với nước ngoài không đúng theo chương trình trong hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc xây dựng tiến độ đào tạo, kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên, giảng viên và sử dụng biểu mẫu, sổ sách quản lý dạy và học theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc xây dựng lại chương trình giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

c) Buộc giảng dạy bổ sung số giờ học còn thiếu, tổ chức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều này;

d) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí cho người học nếu không chuyển được người học sang học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều này đến mức phải đình chỉ hoạt động đào tạo.

Điều 11. Vi phạm quy định về quy mô lớp học

1. Phạt tiền đối với hành vi bố trí số lượng học viên, học sinh, sinh viên trong một lớp học vượt quá mức quy định với một trong các mức sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi vượt quá mức quy định dưới 15%;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi vượt quá mức quy định từ 15% đến dưới 30%;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vượt quá mức quy định từ 30% trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc bố trí số lượng học viên, học sinh, sinh viên trong một lớp học đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về liên thông, liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo liên thông không đủ các điều kiện theo quy định;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức đào tạo liên thông các ngành, nghề hoặc trình độ đào tạo khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng chương trình đào tạo của nước ngoài mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng;

b) Không thông tin hoặc thông tin không đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở liên kết về chương trình liên kết đào tạo, đối tác liên kết, địa điểm tổ chức đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, mức thu học phí, kinh phí đào tạo và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài mà chưa được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền công nhận về chất lượng;

b) Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài đào tạo ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đào tạo được phép hợp tác đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam;

c) Liên kết đào tạo mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

d) Liên kết đào tạo mà không bảo đảm điều kiện về phòng học, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và đội ngũ giáo viên, giảng viên theo quy định;

đ) Liên kết đào tạo mà không ký kết hợp đồng liên kết đào tạo hoặc ký kết hợp đồng liên kết đào tạo sau khi đã tổ chức đào tạo;

e) Liên kết đào tạo với tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp lý để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 01 tháng

đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, hoàn trả cho người học các khoản tiền đã thu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều này; trường hợp không xác định được người học để hoàn trả thì nộp vào ngân sách nhà nước và chịu mọi chi phí hoàn trả;

b) Buộc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến chương trình liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc giao kết hợp đồng liên kết đào tạo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng đào tạo

1. Phạt tiền đối với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không giao kết hợp đồng đào tạo hoặc giao kết hợp đồng đào tạo không đầy đủ nội dung theo quy định với một trong các mức sau đây:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm dưới 10 người học;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10 người đến 50 người học;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 51 người đến 100 người học;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 101 người đến 500 người học;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 501 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện giao kết hợp đồng đào tạo hoặc giao kết đúng, đầy đủ nội dung của hợp đồng đào tạo theo quy định.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA, THI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Điều 14. Vi phạm quy định về đánh giá kết quả học tập

1. Phạt tiền đối với hành vi không thực hiện đầy đủ quy định về đánh giá, xếp loại hoặc làm sai lệch kết quả đánh giá, xếp loại học tập học kỳ, năm học, khóa học, môn học, mô-đun, tín chỉ với một trong các mức sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 01 đến dưới 05 người học;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 05 đến dưới 10 người học;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 10 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đánh giá, xếp loại kết quả học tập đúng thực tế của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chấm bài kiểm tra, bài thi tốt nghiệp không đúng đáp án, thang điểm;

b) Lập bảng điểm sai lệch với kết quả chấm của bài kiểm tra, bài thi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kiểm tra thay, thi thay hoặc thi kèm người khác;

b) Chuyển tài liệu, phương tiện, thông tin trái phép vào phòng kiểm tra, phòng thi;

c) Làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài kiểm tra, bài thi;

d) Làm lộ số phách bài kiểm tra, bài thi;

đ) Viết thêm hoặc sửa chữa bài kiểm tra, bài thi hoặc sửa điểm bài kiểm tra, bài thi;

e) Tổ chức chấm bài kiểm tra, bài thi không đúng quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo bài kiểm tra, bài thi hoặc tiếp tay cho người khác đánh tráo bài kiểm tra, bài thi.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm mất bài kiểm tra, bài thi.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi làm lộ đề kiểm tra, đề thi; làm mất đề kiểm tra, đề thi.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xét công nhận tốt nghiệp cho người học khi chưa đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Hủy bằng điểm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu tang vật đã sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chấm lại bài kiểm tra, bài thi tốt nghiệp theo đúng đáp án, thang điểm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này;

c) Buộc tổ chức kiểm tra lại, thi lại đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ kết quả xét công nhận tốt nghiệp cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, CẤP VÀ SỬ DỤNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 16. Vi phạm quy định về quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không cấp bản chính, bản sao hoặc không xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã cấp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập hồ sơ hoặc lập hồ sơ không đầy đủ theo quy định để cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp với nội dung không đúng quy định hoặc không đúng mẫu phôi văn bằng, chứng chỉ đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) In phôi văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp không đúng mẫu quy định;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp không đúng thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp cho người học không đủ tiêu chuẩn theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cấp bản chính, bản sao, xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy phôi văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã in đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

c) Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều này;

d) Buộc hủy bỏ quyết định công nhận tốt nghiệp và thu hồi văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đã cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật và công khai thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp trên trang thông tin điện tử hoặc tại trụ sở chính, phân hiệu, cơ sở đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho người khác sử dụng hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp của người khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp bị tẩy, xóa, sửa chữa mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp giả mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm giả văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp cho người đứng tên trong văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 6
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NHÀ GIÁO,
NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 18. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi để xảy ra việc sửa chữa sổ điểm, phiếu điểm hoặc các tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ quản lý người học theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập đầy đủ hồ sơ quản lý người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về hình thức kỷ luật buộc thôi học

1. Phạt tiền đối với hành vi kỷ luật buộc người học thôi học không đúng quy định với một trong các mức sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm dưới 03 người học;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 03 đến dưới 05 người học;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ 05 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật, khôi phục quyền lợi học tập cho người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu của chuyên ngành hoặc nghề đào tạo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bố trí đủ giáo viên, giảng viên cơ hữu đúng tỷ lệ quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về sử dụng giáo viên, giảng viên

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi giáo viên, giảng viên dạy thêm giờ vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn của năm học đối với giáo viên, giảng viên; 1/3 số giờ tiêu chuẩn của năm học đối với người làm công tác quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia giảng dạy.

2. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng giáo viên, giảng viên không đủ tiêu chuẩn để giảng dạy theo quy định với một trong các mức sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường trung cấp;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường cao đẳng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bố trí, sử dụng giáo viên, giảng viên đủ tiêu chuẩn để giảng dạy đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về chính sách đối với giáo viên, giảng viên

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bố trí thời gian thực tập tại doanh nghiệp đối với giáo viên, giảng viên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bố trí thực tập tại doanh nghiệp cho giáo viên, giảng viên đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO, TÀI CHÍNH, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 23. Vi phạm quy định sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giáo trình, tài liệu không đúng quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gây thiệt hại về cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức thư viện, y tế, khu rèn luyện thể chất theo quy định.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm diện tích đất xây dựng; diện tích tối thiểu đối với phòng học lý thuyết, phòng thực hành, xưởng, trạm, trại thực hành, thực nghiệm theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khắc phục thiệt hại về cơ sở vật chất đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc bổ sung đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin sai về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo thời hạn quy định tại quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp giả mạo.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cung cấp thông tin sai về điều kiện để được tiến hành kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình giáo dục nghề nghiệp;

b) Không nộp lại giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

nghề nghiệp hoặc giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền;

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp không thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ kiểm định viên của người khác;
- b) Cung cấp thông tin về kết quả kiểm định không đúng quy định;
- c) Làm sai lệch nội dung báo cáo tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;
- d) Làm sai lệch kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đoàn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Sử dụng giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp giả mạo;
- b) Thông tin sai về kết quả kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình giáo dục nghề nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng.

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc nộp lại thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;
- b) Buộc nộp lại quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;
- c) Buộc nộp lại giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này;
- d) Buộc báo cáo đầy đủ, chính xác nội dung báo cáo kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 6 Điều này;
- đ) Buộc cải chính trên phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi

phạm quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều này;

e) Buộc tiêu hủy quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia theo quyết định thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo sai về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo thời hạn quy định tại quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho người khác sử dụng hoặc sử dụng thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia của người khác;

b) Làm sai lệch hoặc xác nhận sai kết quả đánh giá kỹ năng nghề.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia giả mạo mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về thu, chi tài chính

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không

công khai thu, chi tài chính theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu, chi tài chính không đúng quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công khai các khoản thu, chi tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc hoàn trả cho người học số tiền đã thu; trường hợp không hoàn trả được thì nộp vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Phạt tiền đối với hành vi chậm báo cáo định kỳ, báo cáo kết quả tuyển sinh, báo cáo công nhận tốt nghiệp, báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp với một trong các mức sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo từ 15 ngày đến 30 ngày;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo từ 31 ngày trở lên hoặc không báo cáo khi đã có văn bản đôn đốc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công bố công khai mục tiêu, chương trình đào tạo; điều kiện bảo đảm chất lượng dạy và học; mức học phí và miễn, giảm học phí; kết quả kiểm định chất lượng đào tạo; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khác có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc công bố công khai các thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương III THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

1. Thanh tra viên và người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.² Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3.³ Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ nhóm ngành đào tạo giáo viên), về hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp

² Tên của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

³ Tên của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

4.⁴ Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với việc tổ chức, hoạt động đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

5.⁵ Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (trừ nhóm ngành đào tạo giáo viên), về hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

6.⁶ Chánh Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền xử phạt đối với

⁴ Tên của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

⁵ Tên của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

⁶ Tên của khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với việc tổ chức, hoạt động đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

7. Trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc, gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

8. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc, gồm:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, hoạt động liên kết đào tạo giáo dục nghề nghiệp có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Điều 31. Thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 29 và Điều 30

Nghị định này.

2.⁷ Cán bộ, công chức là thành viên đoàn thanh tra theo quyết định thanh tra của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Cán bộ, công chức là thành viên đoàn thanh tra theo quyết định thanh tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh Thanh tra bộ, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra huyện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁸

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.
2. Thay thế Nghị định số 148/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.
3. Sửa đổi một số điều của Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục như sau:
 - a) Bãi bỏ Điểm c Khoản 2, Điểm c Khoản 3, Điểm b Khoản 4 Điều 5; Điểm c Khoản 2, Điểm c Khoản 3, Điểm c Khoản 4 Điều 6; Khoản 2 Điều 9; Khoản 1 Điều 10; Điểm b Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 18;
 - b) Bỏ cụm từ “trường cao đẳng” tại Điểm d Khoản 2, Điểm d Khoản 3 Điều 5;
 - c) Bỏ cụm từ “cao đẳng” tại Khoản 3 Điều 9 và Khoản 2 Điều 10;
 - d) Bỏ cụm từ “trung cấp chuyên nghiệp” tại Khoản 2 Điều 17;
 - đ) Bỏ cụm từ “trường trung cấp chuyên nghiệp” tại Điểm b Khoản 4 Điều 26.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 45 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

⁸ Điều 46 của Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019 quy định như sau:

“Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giáo dục nghề nghiệp hết hiệu lực thi hành.”

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, lĩnh vực đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, lĩnh vực đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 148/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để giải quyết.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. /

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: *1307* /VBHN-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày *05* tháng *4* năm 2019

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT, TCGDNN.



Đào Ngọc Dung